

| | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------|-------------|
| Ngày 28/06/2024 | 28,750 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -2.0% | 1.1% | 0.2% |

| | | |
|------------|-------------|--------------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 3.8% | +/- YoY ▲ 0.1% |

| | | | |
|-----------------|--------------|---------------------------------------|--|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 3,091 | QoQ ▲ 926 ▲ 42.8% | YoY ▲ 1,619 ▲ 110% |
| | | tỷ VNĐ | |

| | | |
|-----------------|--------------|---|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 5,256 | YoY ▲ 2,279 ▲ 76.5% |
| | | tỷ VNĐ |

| | | | |
|---------------|------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 469 | QoQ ▲ 30.0 ▲ 6.8% | YoY ▲ 186 ▲ 65.6% |
| | | tỷ VNĐ | |

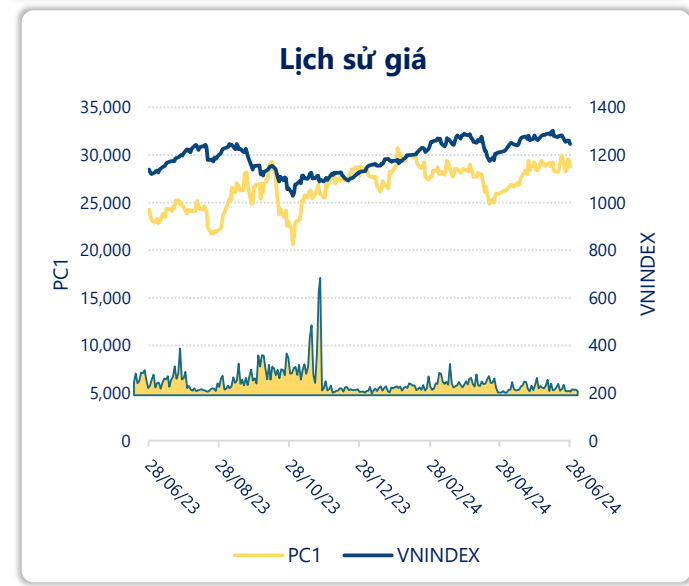
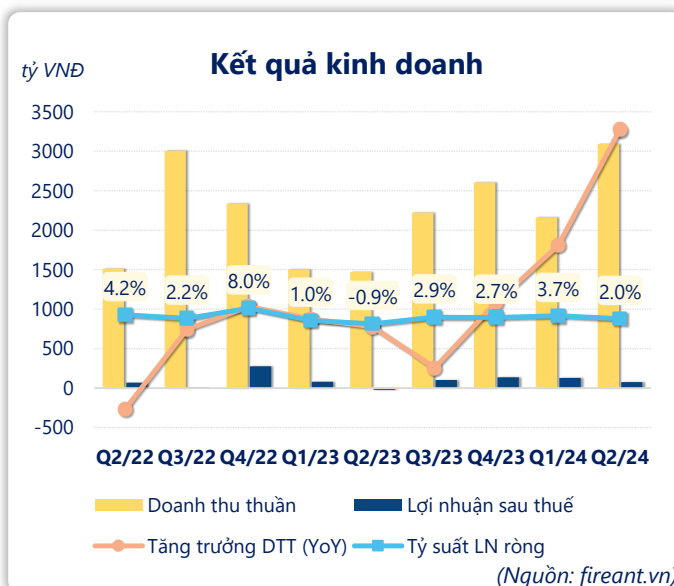
| | | |
|---------------|------------|---------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 907 | YoY ▲ 317 ▲ 53.7% |
| | | tỷ VNĐ |

| | | | |
|-----------------|-------------|--|---------------------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 97.3 | QoQ ▼ 59.7 ▼ 38.0% | YoY ▲ 100 ▲ 3345% |
| | | tỷ VNĐ | |

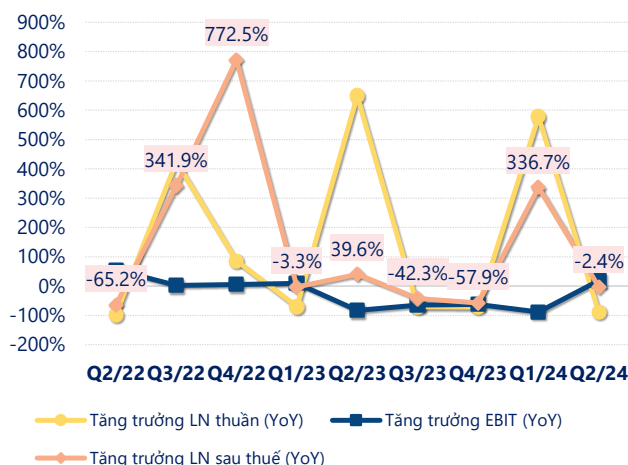
| | | |
|-----------------|------------|--------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 255 | YoY ▲ 160 ▲ 169% |
| | | tỷ VNĐ |

| | | | |
|--------------------|-------------|--|---------------------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 74.6 | QoQ ▼ 54.4 ▼ 42.1% | YoY ▲ 95.3 ▲ 461% |
| | | tỷ VNĐ | |

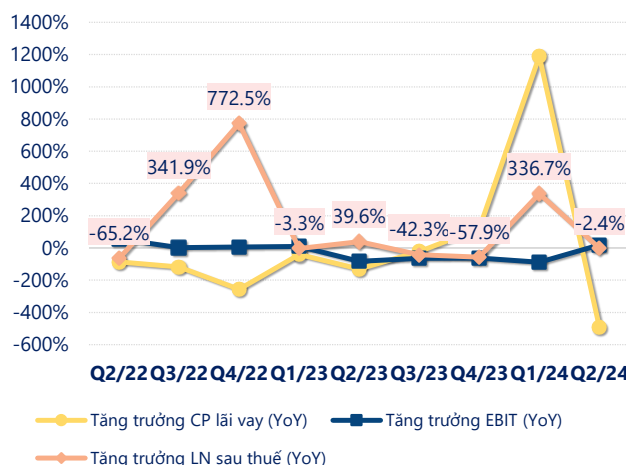
| | | |
|--------------------|------------|--------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 204 | YoY ▲ 146 ▲ 248% |
| | | tỷ VNĐ |



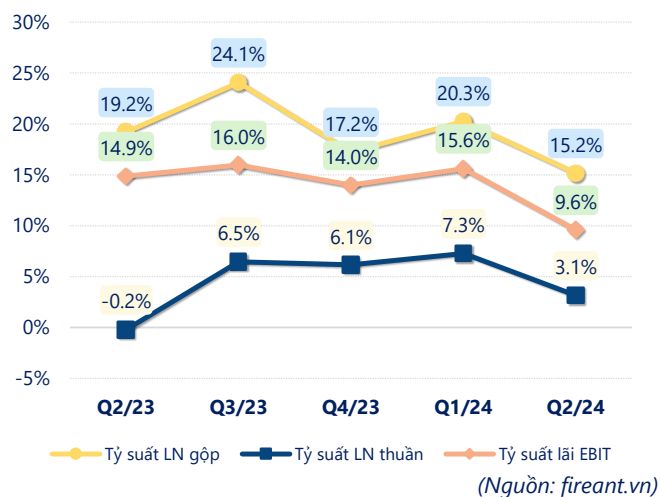
Tăng trưởng lợi nhuận



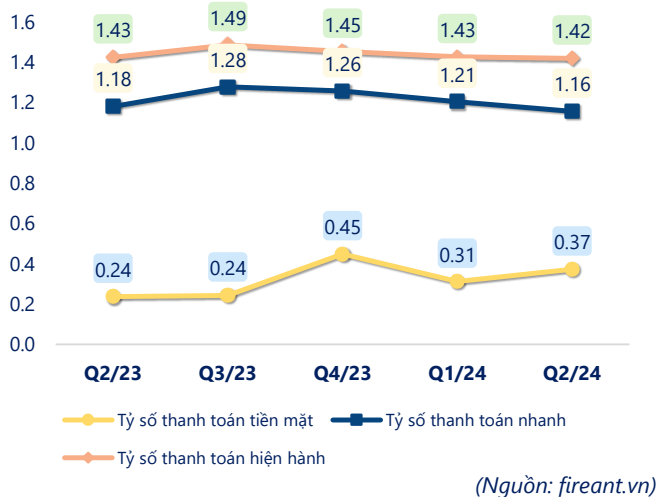
Tăng trưởng chi phí



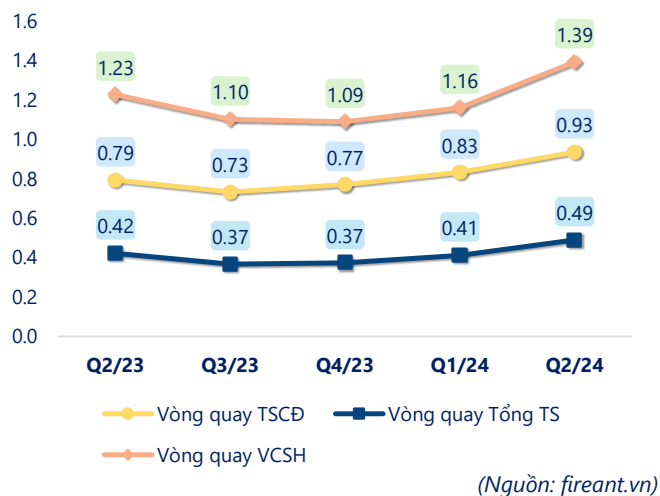
Tỷ suất lợi nhuận



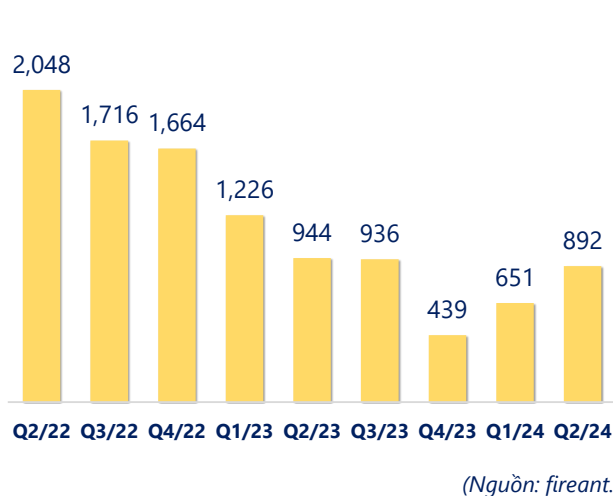
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 3,091 | 1,472 | 110% | 5,256 | 2,977 | 76.5% |
| Giá vốn hàng bán | 2,622 | 1,190 | 120% | 4,348 | 2,387 | 82.1% |
| Lợi nhuận gộp | 469 | 283 | 65.6% | 907 | 590 | 53.7% |
| Doanh thu HĐTC | 50.2 | 29.7 | 69.1% | 94.1 | 94.5 | -0.5% |
| Chi phí TC | 267 | 230 | 16.2% | 537 | 441 | 21.7% |
| Chi phí lãi vay | 201 | 219 | -8.1% | 382 | 421 | -9.4% |
| LN trong công ty LKLD | -9.25 | -1.56 | -493% | 40.0 | 2.26 | 1671% |
| Chi phí bán hàng | 24.7 | 6.21 | 297% | 37.1 | 5.69 | 552% |
| Chi phí QLDN | 121 | 77.8 | 54.9% | 213 | 145 | 46.4% |
| LN thuần từ HĐKD | 97.3 | -3.00 | 3345% | 255 | 94.8 | 169% |
| Lợi nhuận khác | -2.34 | 2.74 | -186% | -2.37 | -10.6 | 77.7% |
| LN trước thuế | 95.0 | -0.26 | 36636% | 252 | 84.1 | 200% |
| Lợi nhuận sau thuế | 74.6 | -20.7 | 461% | 204 | 58.5 | 248% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 62.2 | -12.6 | 594% | 143 | 2.07 | 6809% |

(Nguồn: fireant.vn)

